

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM ĐỂ BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

● NGUYỄN THỊ XUÂN¹ - NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT²

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

² Trường Đại học FPT, Trường Cao đẳng FPT Polytechnic

DOI: 10.62831/nckh.2026.403.v1

TÓM TẮT:

Thế giới đang chứng kiến sự chuyển dịch mô hình tăng trưởng mang tính cấu trúc từ chiều rộng sang chiều sâu với việc nhấn mạnh các nguồn lực về vốn, công nghệ và năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Ở Việt Nam, việc đổi mới mô hình tăng trưởng không chỉ phù hợp với xu thế chung, mà còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi mô hình tăng trưởng cũ đã cho thấy những giới hạn trong bối cảnh nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Bài viết tập trung luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng ở nước ta hiện nay; quan điểm của Đảng về các nguồn lực, cơ chế vận hành, chủ thể và các động lực chính cho mô hình tăng trưởng mới; đề xuất một số giải pháp để sử dụng hiệu quả mô hình này trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Từ khóa: mô hình tăng trưởng, kỷ nguyên phát triển mới, đổi mới.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, nền kinh tế thế giới chứng kiến sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng với nguồn lực chủ yếu là tài nguyên, vốn và lao động giá rẻ, sang mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sự chuyển dịch có tính cấu trúc này đã phản ánh những giới hạn của mô hình tăng trưởng cũ, đồng thời cho thấy yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gia tăng, nguồn lực tự nhiên suy giảm và các vấn đề môi trường, xã hội trở nên bức thiết trong bối cảnh hiện nay.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số là những động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng trong giai đoạn mới. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức về con đường phát triển đất nước, hướng tới tăng trưởng nhanh và bền vững, dựa trên nền tảng tri thức và công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, như: hạn chế về thể chế, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực khoa học, công nghệ và hạ tầng số. Những “điểm nghẽn” này đang ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tận dụng cơ hội của kỷ nguyên số, cần phải có những giải pháp khắc phục.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tiếp cận dưới góc độ kinh tế chính trị

nhằm phân tích sự vận động của các nguồn lực, cơ chế phân bổ nguồn lực và các động lực tăng trưởng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa các quan điểm lý luận về mô hình tăng trưởng kinh tế; phương pháp logic kết hợp với lịch sử nhằm làm rõ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển; phương pháp thống kê, so sánh được sử dụng để đánh giá sự thay đổi về chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích chính sách thông qua việc nghiên cứu các văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước và các số liệu kinh tế - xã hội có liên quan, qua đó làm rõ nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng và đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là yêu cầu khách quan trong bối cảnh nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới*

Về lý luận, xét dưới góc độ kinh tế học, mô hình tăng trưởng kinh tế thể hiện cách thức kết hợp, phân bổ, sử dụng các nguồn lực gồm vốn, tài nguyên, con người, khoa học công nghệ... để tạo ra sự tăng trưởng trong nền kinh tế. Nói cách khác, mô hình tăng trưởng kinh tế xác định nguồn gốc, cơ chế hình thành tăng trưởng ở từng giai đoạn khác nhau trong tiến trình phát triển. Ở mô hình tăng trưởng cổ điển với các đại diện tiêu biểu như Adam Smith, David Ricardo và Thomas Malthus, vốn, lao động và đất đai là ba nguồn lực căn bản của quá trình tăng trưởng. Với việc đề cao vai trò của “bàn tay vô hình”, mô hình này chưa có sự đánh giá đúng mức vai trò của nhà nước trong tăng trưởng kinh tế, đồng thời chưa có những sự lý giải thích hợp về vai trò của khoa học công nghệ đối với sự tăng trưởng, khi thế giới bước vào thời kỳ công nghiệp hiện đại thì mô hình này bộc lộ rõ những hạn chế, khó vận dụng.

Sang thế kỷ XX, mô hình Harrod - Domar được sử dụng khá phổ biến khi coi mỗi quan hệ tiết kiệm và

hiệu quả sử dụng vốn là những nhân tố quyết định cho sự tăng trưởng. Tuy nhiên, mô hình này giả định công nghệ là cố định, cho nên nó chỉ có giá trị trong giai đoạn kế hoạch hoá tập trung và thiên về tăng trưởng theo chiều rộng. Nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) cũng chưa được đánh giá cao trong mô hình này. Khắc phục điều này, mô hình tân cổ điển Solow đã xác định sự tiến bộ của khoa học công nghệ là một nhân tố quan trọng, quyết định đến tăng trưởng trong dài hạn. Tuy nhiên, mô hình này cũng chưa xác định đúng vai trò của công nghệ đối với tăng trưởng khi cho đây là một trong những yếu tố ngoại sinh.

Đến cuối thế kỷ XX, mô hình tăng trưởng nội sinh của Romer và Lucas ra đời đã nhấn mạnh vai trò của tri thức, vốn con người và đổi mới sáng tạo là những nội lực quan trọng, quyết định đến tăng trưởng của nền kinh tế hiện đại. Việc sử dụng mô hình này với đầu tư dài hạn cho giáo dục, R&D, hạ tầng số... đã tạo nên sự thành công của nhiều quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc, Mỹ, các nước Bắc Âu... Mô hình này phản ánh đầy đủ đặc điểm của phát triển bền vững trong thế kỷ XXI, khi tài nguyên và lao động không còn là nguồn lực cơ bản, quyết định cho tăng trưởng. Hiện nay, tri thức và công nghệ mới là những nguồn vốn cơ bản để các quốc gia đạt được tăng trưởng trong dài hạn.

Tựu trung lại, quá trình phát triển của các mô hình tăng trưởng ở những giai đoạn khác nhau đã cho thấy sự thay đổi tư duy tăng trưởng diễn ra như một xu thế tất yếu: từ các yếu tố đầu vào hữu hình (vốn, đất đai...) sang các yếu tố vô hình như đổi mới sáng tạo, nhân tố năng suất tổng hợp.

Về thực tiễn, mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sau năm 1986 với việc gia tăng số lượng yếu tố đầu vào, như vốn, lao động và tài nguyên được xác định là những nhân tố cốt yếu cho tăng trưởng. Điều này đã mang lại những kết quả khả quan về tăng trưởng kinh tế cho nước ta trong giai đoạn 1991 - 2010. Tuy nhiên, mô hình này chưa đề cập đến sự thay đổi của yếu tố công nghệ; dẫn đến nền kinh tế phụ thuộc lớn vào việc gia tăng vốn đầu tư; hiệu quả sử dụng vốn rất thấp (hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giai đoạn 2006 - 2010 đạt mức 6,1 lần, trong khi giai đoạn 1996 - 2000 là 4,5 lần) [6]. Điều đó phản ánh sự lãng phí và kém hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư công.

Đại hội XI năm 2011, Đảng ta xác định chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế trên tinh thần: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững”[2]. Đây là xu hướng tất yếu khách quan khi các nguồn lực: vốn, đất đai và tài nguyên không còn là lợi thế.

Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa vào sử dụng hiệu quả yếu tố đầu vào đã đạt được những kết quả quan trọng trong giai đoạn 2011 - 2025: tỷ lệ đóng góp của TFP đã bứt phá từ 33,58% (2011 - 2015) lên 45,21% (2016 - 2020) và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2021 - 2025; chuyển đổi số, kinh tế số và ứng dụng khoa học, công nghệ, cùng với nhân tố TFP chiếm gần 50% năm 2025, đã cho thấy đây là những động lực then chốt để Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh; Thu nhập bình quân đầu người đã tăng vượt bậc, từ khoảng 1.400 USD năm 2011 lên 5.026 USD năm 2025; Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của Việt Nam trong giai đoạn đạt khoảng 6% (8,02% năm 2025).[7]

Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu tích cực, sự tăng trưởng dựa vào gia tăng vốn, lao động đang ngày càng kém hiệu quả với hệ số ICOR giai đoạn 2011 - 2015 là 5,58 lần; 2016 - 2020 là 6,13 lần và giai đoạn 2020 - 2025 là 6,5 lần. Điều này cho thấy tình trạng “bão hòa” khi sử dụng mô hình tăng trưởng kinh tế cũ trong thời gian quá dài; đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng mới dựa trên việc đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để đạt được kết quả tăng trưởng bền vững trong dài hạn[6].

3.2. Nội dung về đổi mới mô hình tăng trưởng theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng nêu rõ: Xác lập mô hình tăng trưởng mới: Kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Việc xác lập mô hình tăng trưởng mới được Đảng ta xác định không chỉ dừng ở sự điều chỉnh mục tiêu hay tốc độ tăng trưởng, mà được thể hiện rõ thông qua góc độ tiếp cận đổi mới toàn bộ cấu trúc vận hành của nền kinh tế.

Thứ nhất, về các nguồn lực, Đại hội Đảng lần thứ XIV vừa qua đã xác định các nguồn lực cơ bản cho tăng trưởng trong thời gian tới ở nước ta gồm: vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Trong đó, Đại hội XIV đặt mục tiêu nâng tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội lên trên 40% GDP [4], cao hơn mức bình quân của các giai đoạn trước, chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn thay vì chỉ mở rộng quy mô như trước; đồng thời định hướng phân bổ vào những ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, hướng đến kiểm soát hệ số ICOR nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực này.

Bên cạnh đó, mô hình tăng trưởng mới đặt mục tiêu nâng tốc độ tăng năng suất lao động bình quân lên khoảng 8,5%, cao hơn đáng kể so với mức 5-6% so với giai đoạn trước [5]. Với mục tiêu này, Đảng ta hướng đến một mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và năng suất. Điều này không chỉ đúng với xu thế toàn cầu, mà còn khắc phục được những hạn chế trong mô hình tăng trưởng cũ dựa trên lao động giá rẻ và tài nguyên thiên nhiên.

Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) được Đại hội XIV xác định là động lực trung tâm của chất lượng tăng trưởng trong giai đoạn tới, với mục tiêu gia tăng đóng góp của nhân tố này dựa trên dự phát triển của công nghệ nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào lao động. Các nguồn lực phi vật chất như văn hóa, hệ giá trị quốc gia, con người Việt Nam đều được Đảng ta xác định là nguồn lực nội sinh, có vai trò quan trọng trong điều tiết sự phát triển hướng đến bền vững.

Thứ hai, về cơ chế vận hành. Đại hội XIV đã khẳng định “nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”[1]. Điểm đổi mới quan trọng trong cơ chế vận hành trong giai đoạn tới nằm ở sự chuyển dịch phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và tăng cường kiểm tra, giám sát. Phương thức này giúp giảm thiểu những rào cản về hành chính, hướng đến môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định, giải phóng và phát triển các nguồn lực xã hội.

Cùng với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò của Nhà

nước được tái cấu trúc theo hướng chuyển từ can thiệp trực tiếp sang kiến tạo thể chế, sử dụng các công cụ điều tiết phù hợp để thị trường thực hiện chức năng huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả, đồng thời bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển bền vững và thực hiện các mục tiêu công bằng xã hội.

Thứ ba, về chủ thể cho mô hình tăng trưởng mới, Đảng ta xác định phát triển nền kinh tế với đa chủ thể trong đó tất cả các khu vực, thành phần kinh tế đều phải được phát huy hiệu quả. Đảng ta cũng xác định rõ ràng thêm vai trò của từng thành phần kinh tế. Trong khi kinh tế nhà nước được xác định giữ vai trò chủ đạo theo hướng hiệu quả hơn, tập trung vào dẫn dắt các cân đối lớn và định hướng chiến lược phát triển; thì kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, với sự chuyển dịch rõ nét trong tư duy chính sách từ “thừa nhận” sang “bảo vệ, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển”. Bên cạnh đó, không gian hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác và khu vực đầu tư nước ngoài tiếp tục được mở rộng.

Ngoài ra, Đại hội XIV cũng nhấn mạnh việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời xây dựng các cơ chế phù hợp để người dân được tham gia vào quá trình hoạch định, giám sát thực thi các chính sách nhằm cường tính minh bạch cũng như trách nhiệm giải trình của các cơ quan Nhà nước. Như vậy, mô hình tăng trưởng mới không chỉ đa dạng hóa chủ thể kinh tế, mà còn gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

Thứ tư, các động lực tăng trưởng mới là những nhân tố có vai trò khơi thông, thúc đẩy và nâng cao hiệu quả vận hành của các nguồn lực, qua đó chuyển hóa tiềm năng phát triển thành kết quả kinh tế - xã hội thực tế. Trong năm 2024 - 2025, Bộ Chính trị đã ban hành một loạt nghị quyết mang tính chiến lược, bao quát các lĩnh vực then chốt của đời sống kinh tế - xã hội và quản trị quốc gia. Có thể kể đến như: Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo môi trường phát triển minh bạch, ổn định và thuận lợi, tiệm cận chuẩn mực và thông lệ quốc tế; Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt trọng tâm vào nâng cao năng suất nhân

tổ tổng hợp dựa trên tri thức và công nghệ; Nghị quyết số 68-NQ/TW đã khẳng định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế quốc gia, với tầm nhìn đến năm 2045 có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế, đóng góp khoảng trên 60% GDP; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới nhấn mạnh việc kết nối sâu hơn với các chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài về thị trường, vốn, công nghệ và tri thức quản trị; Các Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22-8-2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09-9-2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân với mục tiêu hết sức cao cả, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm sức khỏe cộng đồng.

Các nghị quyết chiến lược là những mắt xích quan trọng trong chuỗi động lực tăng trưởng, cùng hình thành hệ cơ chế phát triển đồng bộ tạo môi trường thuận lợi để phát triển những nguồn lực mới về đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghệ... ở nước ta trong kỷ nguyên mới. Sự kết hợp giữa đổi mới thể chế, khoa học - công nghệ, kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế và đầu tư cho con người là nền tảng quan trọng để Việt Nam chuyển đổi mô hình tăng trưởng thành công, hướng tới phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

3.3. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng mô hình tăng trưởng mới ở Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, mở rộng hành lang pháp lý, tạo cơ hội nâng cao hiệu quả của mô hình tăng trưởng mới. Hoàn thiện và đồng bộ hóa thể chế sẽ tạo môi trường thuận lợi để nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp và hiệu quả của mô hình tăng trưởng trong kỷ nguyên mới. Để thực hiện được điều đó, trước tiên, cần tiếp tục cải thiện đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh và tạo lập khung pháp lý ổn định. Đồng thời, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng cần được thực hiện nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; đồng thời hoàn thiện các quy định về sở hữu trí tuệ, khuyến khích các hoạt động sáng tạo và đầu tư mạo hiểm. Để thực hiện các biện pháp

này, Nhà nước phải đóng vai trò kiến tạo, chuyển từ “quản lý - can thiệp” sang “điều phối - phục vụ”, gắn phân cấp, phân quyền với kiểm soát quyền lực, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành và thúc đẩy sự vận hành đầy đủ của các yếu tố thị trường.

Thứ hai, tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nhà nước cần có cơ chế, chính sách và các chương trình hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để giúp các doanh nghiệp nâng cao việc lựa chọn và ứng dụng các công nghệ mới, như: công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), vạn vật kết nối (IoT)... Bên cạnh đó, cần có những chính sách ưu tiên cho hoạt động đầu tư nghiên cứu, phát triển (R&D), phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia và mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam trong và ngoài nước. Đồng thời, cũng cần tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa, cũng như giữa viện nghiên cứu, trường đại học và khu vực sản xuất, nhằm hình thành chuỗi giá trị có khả năng lan tỏa công nghệ và nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng bối cảnh mới của thời đại. Đây là một trong những đột phá chiến lược được Đảng ta nhấn mạnh trong Đại hội XIV để đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nền kinh tế tri thức dựa trên kinh tế số, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Để thực hiện biện pháp này, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và các kỹ năng cần thiết trong thời đại mới, như: kỹ năng số, kỹ năng nghề nghiệp chất lượng cao. Đồng thời, cần tiếp tục liên kết với doanh nghiệp trong lĩnh vực R&D, gắn đào tạo với nhu cầu của các doanh nghiệp, thị trường.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện gắn với tái cơ cấu kinh tế. Chuyển đổi số được coi là động lực đột phá của mô hình tăng trưởng mới, thúc đẩy tái cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý, theo đó giảm sự phụ thuộc vào các ngành có sự thâm dụng lao động, tài nguyên; đồng thời, tạo đà phát triển cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao và dịch vụ hiện đại. Do đó, Nhà nước cần xây dựng hạ tầng số đồng bộ, phát triển nền tảng dữ liệu mở, tiếp tục hoàn thiện Chính phủ số và hệ sinh thái dịch vụ số quốc gia. Doanh nghiệp cần được hỗ trợ trong ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phát triển kỹ năng số cho lực lượng lao động. Việc chuyển đổi số toàn diện không chỉ nâng cao năng suất lao động và năng lực quản trị, mà còn tạo ra mô hình kinh doanh, dịch vụ mới, đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế bền vững.

4. Kết luận

Trong bối cảnh đất nước và thế giới đều có những sự thay đổi nhanh chóng, để đạt được mục tiêu trong kỷ nguyên phát triển mới, tốc độ tăng trưởng cao trong ngắn hạn không còn là yêu cầu bức thiết mà cần phải xác lập một mô hình tăng trưởng ở đó chú trọng đến chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong dài hạn. Do đó, việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, thể hiện sự chuyển đổi căn bản và toàn diện về tư duy phát triển, phương thức tổ chức, phân bổ nguồn lực trong xã hội; đồng thời phù hợp với lý luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay. Để hiện thực hóa mục tiêu này, đòi hỏi có những cải cách mạnh mẽ, toàn diện và sự tham gia tích cực của các chủ thể trong xã hội. Đây sẽ là động lực quan trọng để Việt Nam hướng tới một nền kinh tế tăng trưởng chất lượng, bền vững và ổn định ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021a). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021b). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2024). Giáo trình kinh tế phát triển dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.

4. Huy Thắng. (2026). Nghị quyết Đại hội XIV: Quyết sách cho khát vọng tăng trưởng hai con số. Báo điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/ngphi-quyet-dai-hoi-xiv-quyet-sach-cho-khat-vong-tang-truong-hai-con-so-102260124180229882.htm>
5. Chính phủ. (2026). Nghị quyết số 12/NQ-CP về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16-01-2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15-01-2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.
6. Thời báo Kinh tế Việt Nam. (2024). Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2005-2024. Hội Nhà báo Việt Nam.
7. Tổng cục Thống kê. (2024). Niên giám thống kê (các năm 2005, 2010, 2015, 2020 và 2024). Nhà xuất bản Thống kê.
8. Trần Thọ Đạt. (2005). Các mô hình tăng trưởng kinh tế. Nhà xuất bản Thống kê.

Ngày nhận bài: 20/4/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 07/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/5/2026

TRANSFORMING VIETNAM'S ECONOMIC GROWTH MODEL TOWARD A NEW ERA OF DEVELOPMENT: THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES

● **NGUYEN THI XUAN¹**

● **NGUYEN THI ANH NGUYET²**

¹Hanoi Pedagogical University 2

²FPT University, FPT Polytechnic College

ABSTRACT:

The world is witnessing a structural transformation in growth models, moving from extensive to intensive growth, with increasing emphasis on capital resources, technological advancement, and total factor productivity (TFP). In Vietnam, transforming the growth model is not only consistent with this global trend but also responds to practical requirements, as the existing growth model has revealed clear limitations amid the country's entry into a new era of development. This study examines the theoretical and practical foundations for transforming Vietnam's growth model; the Communist Party of Vietnam's perspective on resources, operating mechanisms, stakeholders, and the key drivers of the new growth model; and proposes several solutions for the effective application of this model in the nation's new era of development.

Keywords: growth model, new era of development, economic transformation.